

Bà Chăn và Tên Ma Đầu

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Từ tiệm ăn đồ biển Ra Khơi nhìn ra xa, người ta có thể thấy tượng Trần Hưng Đạo ở công trường Mê Linh trước bến Bạch Đằng bên bờ sông Sài Gòn. Được dựng lên năm 1967, tượng vị anh hùng dân tộc được tôn vinh là thánh tổ Hải quân Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) đứng trên bệ đá cao chỉ tay nhìn về hướng đông phía Thủ Thiêm, bệ đá là một khối tam diện bề mặt lõm cong vào. Hồi chiều, trước khi đến tiệm, tôi đi ngang qua nhìn tượng đài mà lòng xót xa: Thời VNCH, vườn hoa quanh chân bệ đá được chăm sóc cẩn thận; ngày nay, hơn 30 năm sau, vườn bị bỏ phế thành xác xơ, hoa không còn, và bệ đá cũng như tượng đã úa màu theo năm tháng và thời tiết.

Với vị trí tuyệt hảo như vậy, Ra Khơi hẳn là một trong những tiệm ăn sang trọng nhất Sài Gòn. Song chắc phải quen biết lớn lắm mới đặt được một khu riêng để họp bạn. Nhưng cái cảm giác được hân hạnh ngồi trong một tiệm ăn thượng lưu không kéo dài lâu. Nhóm thực khách ngồi ở chiếc bàn dài gần đó ăn nhậu ầm ĩ và muốn phô trương cho mọi người biết họ là nhân vật rất quan trọng. Mỗi lần hô nhau nâng ly, họ không quên nhắc lại giá tiền của chai “rượu ngoại” đang uống. Nói chuyện rất ồn ào bằng thứ giọng Bắc the the nghe rất khó chịu. Và dùng thứ ngôn ngữ vô học, mỗi câu nói cồng theo dăm ba chữ “đ...” chướng tai. Nhưng ghê tởm nhất là vừa ăn vừa khạc nhổ, và vứt bừa bãi xương cá, vỏ tôm, và giấy lau xuống sàn nhà, biến chỗ họ ngồi thành bãi rác.

Tôi bực bội nói nhỏ với Song và Lộc – người bạn từ Đà Lạt xuống gặp tôi,

“Tao ở Mỹ 30 năm mà chưa bao giờ thấy mấy thằng Mỹ chửi nhau, ăn nói tục tĩu, hay cư xử thô bỉ ở chỗ đông người. Bên đó, gặp khách ‘quý’ kiểu này, chủ tiệm không những tống cổ ra mà còn cấm cửa, không cho bén mảng đến.”

“Bỏ qua đi *Bà Hoa*. Đó là mấy ‘quan chức’ cỡ bự của nhà nước từ Hà nội vào. Dân Hà nội như vậy đó, thứ văn hóa mới mà tụi tao phải cắn răng chịu đựng và thét hời thành *mặt chai mày đá*, không còn thấy *bực . . . cửa mình*,” Song nhảu nhó.

“Hay mày ‘xin phép vợ’ đổi chương trình lên chơi Đà Lạt chơi với tao một chuyến?” Lộc cười tủm tỉm, “Lên *thành phố buồn*, mày sẽ thấy ít cảnh trái tai gai mắt hơn.”

Tôi và Lộc cùng nhớ lại thời còn học đệ tam và đệ tứ niên trường Cao đẳng Điện học. Những dịp nghỉ lễ nó về Đà Lạt thăm nhà, tôi lại theo lên vì lúc ấy đang bỏ nhà *đi bụi đời*, không có chỗ nào để về. Ở “thành phố hoa viên,” tôi được tiếp đãi niềm nở, và hầu như không ai biết tôi là kẻ không cửa không nhà. Bác Hảo, ba Lộc, là bạn thân và từng học cùng khóa Võ bị Liên quân Đà Lạt với cha. Chú Tôn – chú họ tôi – lại là hàng xóm của gia đình Lộc và làm chủ tiệm ăn lớn nhất thành phố trong khu chợ Hòa bình. Nhờ vậy, tôi được xem như người quen thân trong nhà, đi đâu cũng có chỗ dựa.

Lộc vốn tài hoa, là một trong những sáng lập viên phong trào Du ca Việt nam, quen biết rộng với giới văn nghệ sĩ. Những lần lên Đà Lạt, tôi theo nó đến quán Café Tùng, nơi tụ họp của nhiều tác giả, nhà thơ, và ca sĩ nổi tiếng thời ấy. Lộc kể,

“Hồi đó, các nghệ sĩ như Lâm Quyên Phong, Trịnh Công Sơn, và họa sĩ Đặng Hùng là khách thường trực của Café Tùng. Người ta luôn thấy ông Tùng với dáng thư sinh, tóc chải ngôi giữa, mặc áo veston chỉnh tề, và đứng sau quầy pha chế cà phê.”

“Bây giờ Café Tùng còn không?” tôi hỏi.

“Ông Tùng mất vài năm trước,” Lộc đáp, “Nhưng con trai là Thông nối nghiệp cha trông coi quán. Tao nghĩ nếu về Đà Lạt, mày sẽ tìm lại hương vị thời hoa niên của bọn mình.”

“Kỷ niệm đáng nhớ nhất của tao ở Café Tùng là lần đầu tiên được nghe Lâm Quyên Phong hát,” tôi bồi hồi nhớ lại.

Cặp song ca Lâm Quyên Phong nổi tiếng nhờ những tình khúc lãng mạn do Phong sáng tác và cùng vợ trình diễn. Anh sinh năm 1941, làm giáo viên tiểu học ở Đà Lạt. Khi sinh ra, anh có một cục bướu ở ngón tay, ngày càng lớn. Bác sĩ chẩn đoán anh bị ung thư xương và khó sống lâu. Ban đầu anh học vĩ cầm, nhưng khi bướu lớn quá, không bấm được dây, anh chuyển sang *guitar*. Từ năm 19 tuổi, anh bắt đầu sáng tác; bản đầu tay “Buồn Đến Bao Giờ” viết tặng người con gái tên Quyên (không phải là Lâm Quyên) là mối tình đầu của anh.

Lâm Quyên sinh năm 1952 trong một gia đình thương gia người Hoa khá giả ở Sài Gòn. Năm 15 tuổi, nàng được gửi lên Đà Lạt học nội trú trường Pháp. Nhà nàng và nhà Phong chỉ cách nhau một căn. Hai người quen nhau rồi kết hôn khi nàng mới 16 tuổi. Từ đó, hầu hết ca khúc của Phong đều viết tặng vợ.

Mùa xuân 1970, danh tiếng của họ lên cao sau gần ba tuần lễ trình diễn mỗi đêm cho sinh viên các trường đại học Sài Gòn, đài Truyền hình Việt Nam, và quán Con Nai Vàng. Họ mang đến cho tân nhạc Việt Nam một luồng gió mới với những ca khúc nồng nàn, khắc khoải, đôi khi phảng phất triết lý như “Bài Ca Hạnh Ngộ,” “Dạ Khúc cho Tình Nhân,” “Lời Gọi Chân Mây,” và “Vũng Lầy của Chúng Ta.” Giới sinh viên trẻ đón nhận nồng nhiệt. Nhạc của Phong diễn tả hạnh phúc lẫn chia lìa, tình yêu của một người đàn ông ngoài ba mươi mang căn bệnh quái ác, không biết là đời lúc nào, với một thiếu nữ tuổi đôi mươi.

Năm 1979, vợ chồng Lâm Quyên Phong vượt biên và định cư tại Nam California; hai cô con gái của họ ra đời tại đây. Lộc bỗng hỏi tôi,

“Bên đó, mày có dịp nào xem Lâm Quyên Phong trình diễn không?”

“Tao ở North Dakota tận miền Bắc Hoa Kỳ nên lâu lâu mới có dịp ghé thăm Little Saigon ở Nam California là nơi đô hội của người Việt. Ở đó, phỏng theo kiểu Café Tùng, cô ca sĩ Chung Linh mở quán cà-phê Làng Văn và hát nhạc Trịnh Công Sơn. Lâm Quyên Phong mở quán LQP (viết tắt tên của họ) cách Làng Văn không tới nửa cây số và hát nhạc của Phong để cạnh tranh. Tuy nhiên, năm 1984, khi tao đến quán LQP lần đầu, họ đã chia tay năm trước nên chỉ nghe một mình Lâm Quyên hát. Sau đó, trên sân khấu hay trong *video* ca nhạc, nàng cũng hát một mình.”

“Thật không? Sao tao nghe nói, khi Phong mất vì ung thư phổi, Lâm Quyên quá đau khổ uống thuốc ngủ toan tự tử theo chồng ba lần mà được cứu sống?” Song rất đổi ngạc nhiên xen vào hỏi.

“Chuyện đó không thể có thực. Sự tình như thế này,” tôi lắc đầu và kể lại.

Sau 15 năm hạnh phúc bên nhau, Lâm Quyên và Phong chia ly, *anh đi đường anh, tôi đường tôi*. Cô con gái nhỏ ở với mẹ, và cô lớn về với bố. Phong tới ở với Lâm Phi là em gái của Lâm Quyên, lấy cô này làm vợ, và sống với cô cho đến phút cuối đời. Về phía Lâm Quyên, nàng ráp lại với Tế Lư, nhà thơ nổi tiếng bậc nhất ở hải ngoại thời bấy giờ. Nhà thơ có tiếng hiền lành, tế nhị, và hào hoa nên được rất nhiều phụ nữ say mê đeo đuổi. Nhiều lần anh khoe khoang nhận mình là “tên ma đầu trong tình trường.” Đến ở với Lâm Quyên, anh bỏ vợ tên Thục và hai đứa con.

Tế Lư sinh tại huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam và sau Hiệp định Genève 1954, cùng gia đình di cư vào Nam. Ban đầu ở Hội An và Đà Nẵng, và sau đó vào Sài Gòn. Học trung học tại các trường Trần Lục và Chu văn An và đại học tại Đại học Văn khoa. Là sĩ quan quân lực VNCH, anh làm phóng viên chiến trường, thư ký tòa soạn cuối cùng của nguyệt san Tiền phong do cục Tâm lý chiến VNCH ấn hành, và giáo sư dạy giờ cho vài trường trung học tư Sài Gòn.

Tế Lư bắt đầu làm thơ rất sớm, ngay khi còn học trường tiểu học Hàng Vôi ngoài Hà nội. Thơ anh được nhiều nhạc sĩ phổ nhạc và trở thành những bài nhạc nổi tiếng như “Đêm Nhớ Trăng Sài Gòn,” “Hạnh phúc Buồn (Trong Tay Thánh nữ Có Đời Tôi),” “Giữ Đời cho Nhau (Ơn Em),” “Khi Tôi Chết Hãy Đem Tôi Ra Biển,” “Khúc Thụy Châu,” “K Khúc của Lư,” và “Khi Cuộc Tình Đã Chết.” Anh được trao giải thưởng Văn chương Toàn quốc của Tổng thống về bộ môn thơ.

Năm 1975, Tế Lư đưa Thục lúc ấy chưa có con di tản sang Hoa kỳ và định cư ở nam California. Để lại Sài Gòn hai bà vợ có cưới hỏi hẳn hoi khác nhau, mỗi bà có với anh hai đứa con.

* * *

Cuộc sống chung của Tế Lư và Lâm Quyên không mấy êm đẹp vì cá tính khác biệt: Anh hiền lành, nhưng không dễ gì chịu lép vế, trong khi nàng cứng cỏi và thích kèm chế. Do đó anh bị nàng . . . đánh dài dài. Người ta kể rằng, một hôm anh ngồi quán uống cà-phê với bạn, trong đó có họa sĩ Đặng Hùng từ Hoa Thịnh Đốn về thăm, nàng đến tìm anh và đứng đằng xa ngoắt tay, “Lư lại đây Quyên bảo.”

“Lư đang uống cà-phê với bạn, Quyên không thấy sao?” anh mất mặt và nói cứng; hai người xưng tên với nhau như một đôi tình nhân mới lớn.

“Có đến không thì bảo?” nàng nổi giận.

“Không . . .”

Tế Lư chưa dứt lời, Lâm Quyên bước sấn lại, vung tay tát vào mặt anh liên tiếp – bốp, bốp, bốp – trước mặt mọi người. Sau một thời gian bị nàng hành hạ, anh chịu nhục hết nỗi bèn bỏ đi, sang Houston, Texas lánh nạn. Ở đây, anh gặp Miên Hảo, cô ca sĩ ngày trước có giọng ca khàn đục thiên phú, hấp dẫn, và ướm át qua các bài hát “Mảnh Tình Thương” của Mạnh Giác, “Quen Nhau Trên Đường Về” của Thăng Long, và “Không Bao Giờ Ngăn Cách” và “Chân Trời Tím” của Trần Thiện Thanh. Nàng là vợ sau của ông Lạc, một cựu tướng lãnh VNCH; ông lớn hơn nàng hơn 20 tuổi. Hai người sống với sáu đứa con, hai đứa của nàng và bốn đứa của bà vợ trước.

Năm 1975, Tướng Lạc gửi Miên Hảo và các con đi di tản trước bằng máy bay. Ông ở lại nhận chức tổng tham mưu trưởng quân lực VNCH và lớn tiếng hô hào quân sĩ sát cánh tử thủ đến cùng. Tại chức chưa tới hai ngày, sáng sớm ngày 30 tháng Tư, ông nhận thấy tình hình phía VNCH đã tuyệt vọng, vội chạy vào Hải quân Công xưởng, và ra đi bằng chiếc tàu duy nhất mà hạm đội Hải quân VNCH để lại vì bị hư. Chỉ còn một máy tạm hoạt động được, tàu chạy ị ạch đến cửa biển thì chiếc máy chết hẳn. Ông phải gọi máy truyền tin kêu cứu để hạm đội đã ra đi phái tàu trở lại vớt.

Cuộc hôn nhân của Miên Hảo gặp trắc trở triền miên vì ông Lạc già cả khó tính khó nết, bất đắc chí vì đã hết thời, và nhất là không được người đồng hương kính trọng. Vài lần, nàng đã phải gọi cảnh sát can thiệp vì ông dở thói vũ phu đánh đập nàng. Do đó, gặp Tế Lư không bao lâu, người thiếu phụ đáng thương mới trên tứ tuần dễ dàng rơi vào vòng tay của nhà thơ hào hoa. Tin này đến tai Lâm Quyên. Nàng tức tốc bay sang Houston chỉ mặt anh hăm dọa,
“Lư mà không bỏ con Hảo, Quyên thuê du đấng giết nó.”

Tế Lư hoảng hồn rời Houston lên Hoa Thịnh Đốn – lánh nạn lần thứ hai. Đầu thập niên 1990, “bà Chấn” Lâm Quyên lập gia đình với một cựu sĩ quan Không quân VNCH làm nghề phi công lái máy bay trực thăng, và vui lòng với duyên đôi lứa mới. Sau đó, Tế Lư mới mạnh dạn lên Montréal, Gia Nã Đại đón vợ mới tên Hạnh và con gái riêng tên Lâm mới từ Việt nam sang, và rước về Hoa kỳ sum vầy.

Cuộc tình cũ của Tế Lư với Hạnh xảy ra giữa thập niên 1960, khi anh là phóng viên chiến trường và thường xuyên bay lên Pleiku công tác. Anh quen với cô giáo sư người Huế xinh đẹp tốt nghiệp Đại học Sư phạm Huế đang dạy quốc văn ở trường trung học Pleiku. Nàng yêu thơ rồi yêu người và trở thành (một trong rất nhiều) người yêu của anh. Anh mãi mê làm *bướm lượn vườn hoa* nên hai người theo hai nẻo đời riêng cho đến nhiều năm sau. Và sau cùng, “tên ma đầu” Tế Lư được Hạnh và Lâm thương yêu và chăm nom suốt phần đời còn lại. Nhất là Lâm, cô gần gũi và quý mến “bố Lư” như cha ruột.

Nhìn những khuôn mặt ồn ào trong tiệm Ra Khơi, tôi nhớ đến ba người nghệ sĩ tài hoa từng sống hết mình, yêu hết mình, và đau hết mình. Họ không hoàn hảo, nhưng họ thực. Còn bây giờ, giữa tiếng cười hô hố và những câu chửi rủa, tôi tự hỏi rồi mai này còn ai dám sống thực như họ.

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày 10 tháng Chín, 2025